

BỐI CẢNH THỜI ĐẠI VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA HỌC THUYẾT PHÁP TRỊ TRUNG HOA CỔ ĐẠI

TH.S ĐỖ ĐỨC MINH

Văn phòng Thành uỷ Hải Phòng

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ TRUNG HOA CỔ ĐẠI

1. Tình hình kinh tế

Khoảng thế kỷ XII tr.cn, cuối đời Thương, bộ tộc Chu nổi lên ở thượng lưu Hoàng Hà, thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc ra sức phát triển nông nghiệp và chinh phục các bộ tộc lân cận, mở rộng đất đai để phát triển thế lực đến vùng Trường Giang. Đến giữa thế kỷ XI tr.cn, Chu Vũ Vương đã diệt Trụ lập ra nhà Chu rồi rút về đóng đô ở đất Cảo Kinh, mở ra thời kỳ thịnh trị của nhà *Tây Chu*.

Rút kinh nghiệm từ các triều đại trước và để củng cố nền thống trị lâu dài, vua⁽¹⁾ nhà Chu tự xưng là Thiên tử, tuyên bố mình là chủ sở hữu duy nhất toàn bộ đất đai trong nước: "Khắp dưới gầm trời, đâu cũng là đất của vua. Cả nước từ trong đến ngoài, ai cũng là tôi vua"⁽²⁾. Trên cơ sở đó, nhà Chu đã thi hành chính sách phân phong đất đai kèm theo phong chức tước cho những

người trong tông tộc và các công thần để lập nên một hệ thống nước chư hầu⁽³⁾. Tuy thân hay sơ, công lao lớn hay nhỏ mà được phong đất rộng hẹp, gần xa và tước cao hay thấp. Đến lượt mình, các vua chư hầu lại đem đất đai được Thiên tử sách phong chia cho con cháu, anh em, họ hàng và những người tùy thuộc làm lãnh địa. Những người này trở thành khanh, đại phu và họ lại đem ruộng đất chia cho con cháu, anh em, họ hàng và tùy thuộc (sĩ, gia thần) làm lộc điền. Chính sách phân phong ruộng đất ấy đã tạo nên một hệ thống đẳng cấp thuộc giai cấp thống trị bóc lột, gồm: Thiên tử- Chư hầu-Khanh Đại phu-Sĩ⁽⁴⁾. *Chế độ phân phong theo trật tự từ trên xuống theo mô hình chữ Kim đã tạo nên một hệ thống đẳng cấp xã hội được sắp đặt từ trên xuống dưới và nghĩa vụ phục tùng từ dưới lên trên*, theo trật tự: Thiên tử có vua chư hầu làm bề tôi; vua chư hầu có đại phu làm bề tôi; đại phu có sĩ làm gia thần tùy thuộc⁽⁵⁾. Việc thực hiện

chế độ phong hầu kiến địa, phong chức tước và đất đai của Thiên tử nhà Chu tạo thành hệ thống ràng buộc nhau về huyết thống, kinh tế và chính trị xã hội trong giai cấp thống trị.

Như vậy, dưới thời Tây Chu tất cả ruộng đất thuộc quyền quản lý của các quý tộc, còn những người lao động và bị trị⁽⁶⁾ cơ bản không có ruộng đất. Sau khi thiết lập được sự thống trị, nhà Chu cải cách quan hệ sản xuất, thi hành rộng rãi chế độ tề điền. Theo chế độ này, ruộng đất được chia làm hai loại công điền và tư điền. Người nông dân phải cùng nhau cấy cấy và nộp sản phẩm ở ruộng công điền cho tầng lớp quý tộc (gọi là *phép trợ*) sau đó mới được về làm ở phần ruộng được chia. Sau khi nhận ruộng, việc sản xuất được tiến hành theo đơn vị gia đình. Họ canh tác bằng những phương tiện tự tạo ra (phổ biến là các công cụ bằng đồng). Như vậy, nông dân lĩnh đất canh tác nhưng không có quyền sở hữu mà chỉ có quyền sử dụng ruộng đất⁽⁷⁾. *Chế độ tề điền đã cho thấy tính chất nhị nguyên có hữu của quan hệ sản xuất chiếm hữu nô lệ phương Đông, tức là sự tồn tại song song của công điền với tư điền trong công xã.*

Vào khoảng năm 771 tr.cn, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhà Chu phải dời đô sang đất Lạc Ấp, Trung Quốc bước vào thời kỳ lịch sử đặc biệt do những biến đổi lớn lao về mọi mặt của đời sống xã hội, là *thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc* (771-221 tr.cn). Thời kỳ Xuân Thu với *sự ra đời của đồ sắt* đã

thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của sức sản xuất xã hội. Điều đó không chỉ thúc đẩy kỹ thuật luyện sắt phát triển mà còn tạo điều kiện cho việc khai khẩn đất đai, phát triển kỹ thuật canh tác, “dẫn thủy nhập điền” cũng như sử dụng sức vật làm sức kéo trong nông nghiệp. Thủ công nghiệp cũng rất phát triển với những tiến bộ của kỹ thuật đúc đồng thau, làm mộc, làm muối Một số nghề mới xuất hiện như luyện sắt, luyện sơn, luyện gang và thép⁽⁸⁾. Cùng với đó ở các chư hầu, thương nghiệp, buôn bán cũng rất phát đạt. Tiền tệ xuất hiện cùng với tầng lớp thương nhân ngày càng lớn mạnh⁽⁹⁾.

Sang thời Chiến Quốc, kinh tế càng phát triển mạnh. Nghề luyện sắt hưng thịnh, đồ dùng bằng sắt phổ biến rộng rãi, đặc biệt là các công cụ như lưỡi cày, cuốc, rìu, dao... Thủy lợi và kỹ thuật canh tác vì thế càng phát triển. Các công trình thủy lợi được xây dựng khắp nơi từ lưu vực Hoàng Hà đến lưu vực sông Trường Giang, từ bờ biển phía đông đến vùng Tứ Xuyên. Hoạt động thương nghiệp diễn ra sôi nổi, đã hình thành nên những trung tâm thương nghiệp phân hoa đông đúc như Lâm Tri, Hàm Đan, Thọ Xuân, Hàm Dương, Đại Lương, Lạc Dương của các nước Tề, Triệu, Sở, Tần, Ngụy, Chu... Số lượng và chủng loại hàng hoá đem ra thị trường buôn bán cũng ngày càng nhiều. Trong xã hội đã xuất hiện một số lái buôn lớn, chuyên đầu cơ tích trữ lũng đoạn thị trường. “Bọn phú thương rất có thế lực, mua

quan bán tước và bắt đầu tham gia chính trị, muốn phá bỏ biên giới giữa các nước chư hầu để cho sự giao thông và thương mại khỏi bị trở ngại⁽¹⁰⁾. Kéo theo đó là sự phát triển của các nghề thủ công nghiệp, như nghề làm đồ gốm, chạm bạc, dệt lụa, luyện kim.

2. Tình hình chính trị

Bắt tay xây dựng nền thống trị, nhà Chu đã sắp đặt xã hội theo chế độ *Tông pháp* do Chu thiên tử đứng đầu có sứ mạng thay trời trị dân, đóng vai trò là *Tông chủ*, các nước chư hầu đóng vai trò là *Tông quốc*- cùng một tổ tiên chung; bộ máy thống trị được tổ chức và điều hành theo nguyên tắc *thân thân, tôn tôn* (thương yêu người thân, tôn kính người trên) theo lễ chế của Chu công. Thực chất của *Tông pháp* là chế độ thống trị dựa trên cơ sở quan hệ huyết thống của một dòng họ, tinh thần chủ yếu của nó là chế độ *con trưởng kế thừa*. Theo lập luận của cổ nhân, sự thiết lập chế độ tông pháp nhằm mục đích dập tắt mọi sự tranh đoạt ngôi vị quyền lợi, kìm hãm sự tranh giành lục đục trong nội bộ giai cấp thống trị. Thông qua chế độ tông pháp, quan hệ tông thuộc phong kiến về mặt chính trị kết hợp chặt chẽ với quan hệ huyết thống của tông tộc, cũng có nghĩa là tổ chức chính trị lồng vào tổ chức tông tộc.

Chế độ tông pháp tồn tại song song với chế độ đẳng cấp, được xác lập trên cơ sở quyền thế tập tước vị, chức vị và tài sản kết hợp với đặc quyền tế tự tổ tiên của thành viên trong nội bộ giai cấp

thống trị. Việc kết hợp cả hai tính chất *tục quyền lẫn thân quyền* vào trong tông pháp là nhằm sử dụng quyền lực tôn giáo để củng cố quan hệ tông thuộc về mặt chính trị. Trong đó, *tinh huyết thống của tông pháp là nét đặc thù của chế độ chính trị nhà Chu*.

Dựa trên chế độ tông pháp nhà Chu đã thiết lập và củng cố nền thống trị trong nhiều thế kỷ và đã đưa chế độ chiếm hữu nô lệ lên đến đỉnh cao trong thời Tây Chu. Nhưng từ khi dời đô sang Lạc Ấp, do nội bộ mâu thuẫn tranh giành quyền lực, đất đai càng ngày bị thu hẹp lại thường xuyên chinh phạt liên miên nên thế lực nhà Chu ngày càng suy yếu không còn ước thúc các nước chư hầu được nữa. *Chế độ Tông pháp của nhà Chu bị phá vỡ và mở màn cho một thời kỳ khủng hoảng xã hội*.

Lúc này, các nước chư hầu đều đua nhau động binh, lấy chiêu bài *tôn vương* (tôn phò nhà Chu), nhưng thực chất là để khống chế Thiên tử, thôn tính và tranh giành địa vị của các nước khác. Chiến tranh giữa các nước chư hầu thời Xuân thu diễn ra liên miên và vô cùng khốc liệt, trong khoảng thời gian 242 năm thì có đến 483 cuộc chiến tranh. Trong số những nước hùng mạnh nhất thời bấy giờ chỉ có năm nước, hình thành cục diện *ngũ bá* gồm: Tề ở hạ lưu Hoàng Hà, Tấn ở vùng Sơn Tây ngày nay, Sở ở lưu vực Trường Giang, Tần ở vùng Tây Bắc, Ngô và Việt ở vùng Đông Nam. Các nước này hoàn toàn dựa trên sức mạnh

của bạo lực và áp bức để làm minh chủ các nước chư hầu.

Việc tranh bá nghiệp là biểu hiện của sự *giải thể chế độ phân phong để đến chế độ trung ương tập quyền*. Trải qua cuộc đấu tranh lâu dài giữa các chư hầu và trong nội bộ các nước, đến thời Chiến quốc, chiến tranh giữa các chư hầu lại bùng lên với mức độ ngày càng ác liệt và trên qui mô lớn. Trong quá trình ấy các nước nhỏ đều bị các nước lớn thôn tính. Đầu nhà Chu, chư hầu có trên 1000, thôn tính lẫn nhau sau còn khoảng 100. Đến thời Chiến Quốc còn lại 7 nước lớn tạo thành thế cục *thất hùng* là Yên - Tề - Triệu - Ngụy - Hàn - Tần - Sở. Nhà Chu đã mất hết quyền lực, đến năm 367 tr.cn bị chia thành Đông Chu và Tây Chu, rồi lần lượt bị Tần tiêu diệt⁽¹¹⁾. *Thời kỳ Chiến quốc đến đây chấm dứt, Trung Quốc thống nhất và chuyển từ xã hội phong kiến sơ kỳ, cát cứ sang xã hội phong kiến trung ương tập quyền.*

Những thay đổi lớn lao về kinh tế, chính trị, xã hội của thời đại đã tác động mạnh mẽ đến sự phân hoá và làm biến đổi sâu sắc cơ cấu giai cấp trong xã hội. Tầng lớp địa chủ mới hình thành và ngày càng có địa vị kinh tế quan trọng “...thời Chiến quốc, giai cấp quý tộc cũ lần lần tan rã, không nắm quyền hành nữa, và một giới hữu sản mới lên thay: họ là những người khai phá những đất mới, những thương nhân làm giàu rồi mới mua đất và thành những tân địa chủ”⁽¹²⁾. Hiện tượng mua bán ruộng đất ra đời là kết quả tất yếu của chế độ

ruộng đất thuộc quyền sở hữu tư nhân, đồng thời thúc đẩy ruộng tư phát triển nhanh chóng. Nhiều nước đã cải cách chế độ thuế khóa, xoá bỏ chế độ tĩnh điền⁽¹³⁾. Những chính sách ấy của các nước càng tạo điều kiện cho chế độ ruộng tư phát triển. Từ đó, ruộng đất ngày càng tập trung vào tay các địa chủ lớn, nông dân nhiều người bị mất ruộng đất. *Giai cấp địa chủ phong kiến mới lên đã tỏ rõ thế và lực hơn hẳn giai cấp địa chủ quý tộc cũ đã suy tàn.* Sự phân hoá giai cấp đã dẫn đến thay đổi lớn trong cơ cấu giai cấp xã hội đồng thời cũng tạo ra cơ sở giai cấp mới của chế độ phong kiến.

3. Tình hình văn hoá tư tưởng

Thời kỳ này văn hoá tư tưởng phát triển rực rỡ và vô cùng sôi động. Ở giai đoạn đầu của nhà Chu, văn hoá được hình thành trong yêu cầu chính trị hoá tôn giáo, nên “chỉ có văn hoá quý tộc mà không có tự học dân gian”⁽¹⁴⁾. Từ khi nhà Chu suy vong, quan lại bị mất địa vị quyền thế mà phân tán ra khắp nơi, học thuật mới được truyền bá trong dân gian. *Văn hoá quan phương* (quan học) trước đây chỉ dành riêng cho quý tộc, tới lúc này đã được chuyển dời xuống dưới, mở rộng ra thành tư học, *văn hoá bình dân*. Điều kiện đó đã góp phần tạo nên cả một tầng lớp trí thức mới- *ke sĩ*. Họ không được trị nước nhưng được bàn luận việc nước một cách rộng rãi, được tự do phát biểu tư tưởng của mình. Hoàn cảnh đó làm nảy sinh một loạt các đại biểu và các trường phái tư tưởng nổi

tiếng đại diện cho lợi ích của các tầng lớp, giai cấp xã hội khác nhau, tồn tại trong sự đấu tranh và bài xích lẫn nhau hết sức quyết liệt, *tạo ra bộ mặt và không khí đặc biệt* sôi động trong đời sống tinh thần xã hội Trung Quốc cổ đại. Đó là thời đại tư tưởng được giải phóng khỏi ảnh hưởng của thần thoại tôn giáo truyền thống, tri thức được phổ cập, thời đại mang tên *tôn giáo cứu lưu, bách gia chư tử*⁽¹⁵⁾. Trong bối cảnh xã hội khủng hoảng ngày một gay gắt thì sự phát triển rực rỡ của văn hoá tư tưởng là *bước chuẩn bị đầu tiên về lý luận và tư tưởng* để soi đường cho hiện thực đang chìm trong đen tối.

Xã hội khủng hoảng ngày càng trầm trọng nhưng khoa học vẫn phát triển và đạt nhiều thành tựu to lớn về mọi mặt. Đầu thời Chiến quốc, nhà thiên văn Thạch Thán đã có một bản tổng mục với 800 các tinh tú khác nhau trên bầu trời. Từ vị trí các vì sao, người Trung Quốc chia bầu trời thành 28 tinh tú. Đối chiếu vị trí của mặt trời với các tinh tú có thể chia ra các tiết của một năm. Đặc biệt thời kỳ này họ đã biết chế tạo và sử dụng la bàn, thành thạo kỹ thuật luyện kim, đúc đồng. Về toán học, họ đã biết tính các hình tam giác, hình chữ nhật, quan hệ giữa bình phương cạnh huyền với bình phương hai cạnh góc vuông trong một tam giác vuông. Văn học phát triển rực rỡ, đạt được các thành tựu mang tầm vóc lớn. Tiêu biểu là *Kinh Thi*, tác phẩm "không chỉ có giá trị trong phạm vi văn

học Trung Quốc mà còn là một trong những tinh hoa văn học thế giới. Đây là tác phẩm mở đầu cho nền văn học viết của Trung Quốc, được xem là mẫu mực học tập của nhiều thế hệ văn nhân thi sĩ Trung Quốc các đời sau"⁽¹⁷⁾. Tiếp đó, *Sở từ* (đặc biệt là thiên *Ly tao*) là một thành công lớn về mặt thơ ca, được coi là *viên ngọc quý và lạ* "đời trước chưa nghe thấy, đời sau không ai theo kịp"⁽¹⁸⁾. Về sử học, có nhiều bộ sử giá trị: *Xuân Thu, Tả truyện, Quốc ngữ*. Trong đó *Xuân Thu* là bộ biên niên sử vào hạng xưa nhất thế giới, phản ánh sinh động tình hình xã hội loạn lạc từ thời Xuân thu đến Chiến quốc, không chỉ có giá trị về sử học mà cả về triết học. Ngoài ra, người Trung Quốc cổ đại còn có nhiều hiểu biết quan trọng trong các lĩnh vực khác như y học, nông học và sinh học ... Cùng với thực tiễn phong phú về chính trị, xã hội, văn hoá tư tưởng, *những tri thức khoa học* bước đầu nhưng hết sức quan trọng của Trung Quốc cổ đại không chỉ góp phần thúc đẩy quá trình nhận thức và cải tạo thế giới, phát triển sản xuất xã hội mà còn là *tiền đề làm nảy sinh và phát triển những học thuyết chính trị - pháp lý của thời đại*.

II. NHỮNG NGUYÊN NHÂN XUẤT HIỆN HỌC THUYẾT PHÁP TRỊ TRUNG HOA CỔ ĐẠI

Tất cả các học thuyết cũng như những trường phái tư tưởng đều không thể tách rời cuộc sống và luôn bị qui định bởi

những điều kiện vật chất của xã hội. Sự ra đời của học thuyết pháp trị, có thể khái quát bởi một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, do thực tiễn xã hội khủng hoảng đặt ra yêu cầu cho lý luận giải đáp.

Trải qua thực tiễn sản xuất lâu dài, người Trung Quốc cổ đại đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm phong phú ở nhiều lĩnh vực và khái quát thành những tri thức khoa học ở trình độ tiến tiến. Những kinh nghiệm và tri thức khoa học đó đã được vận dụng trong thực tiễn, góp phần quan trọng để thúc đẩy sản xuất đi lên. Đó là lý do có thể giải thích vì sao trong điều kiện xã hội Trung Hoa cổ đại liên tục có chiến tranh nhưng kinh tế vẫn không ngừng phát triển và đạt được nhiều thành tựu hết sức to lớn.

Khi mới thi hành chính sách phân phong, sự ràng buộc của nhà Chu đối với các nước chư hầu, một mặt dựa vào quan hệ họ hàng, mặt khác dựa vào quan hệ giữa tôn chủ với bồi thần đã tạo ra một trật tự xã hội đẳng cấp ban đầu tương đối ổn định. Nhờ đó mà nhà Chu và giai cấp thống trị đã tồn tại lâu dài trong lịch sử. Nhưng đến thời Xuân thu, quan hệ họ hàng đã trở nên xa xôi, và nhà Chu với tư cách là lãnh chúa lớn không còn đủ thế lực để bắt những người được kế thừa đất phong phải thực hiện nghĩa vụ của họ. Ở các nước chư hầu, tình hình cũng tương tự: ngoài thái ấp là bổng lộc và ruộng đất được ban thưởng ra, các khanh, đại phu còn tranh giành đất đai

của nhau, thậm chí còn xâm chiếm đất đai của nhà vua và biến dần thành ruộng đất tư của họ. Đến thời Xuân thu, hiện tượng mua bán ruộng đất đã xuất hiện, là kết quả tất yếu của chế độ sở hữu tư nhân về ruộng đất, đồng thời việc mua bán ruộng đất lại thúc đẩy chế độ ruộng tư phát triển nhanh chóng. *Quan hệ chiếm hữu tư nhân về ruộng đất được hình thành và phát triển như một xu thế không thể đảo ngược*. Sang thời Chiến quốc, chế độ ruộng tư càng phát triển mạnh. Năm 350 tr.cn, nước Tần thực hiện cải cách của Thương Ưởng, tuyên bố bỏ chế độ tể điền, cho dân được mua bán ruộng đất. Quá trình *tan rã của các chế độ phân phong và tể điền diễn ra song song với quá trình xác lập chế độ chiếm hữu tư nhân về ruộng đất để phát triển thành quan hệ sở hữu thống trị*. Từ chỗ là cái tích cực ban đầu, chế độ ruộng đất của nhà Chu đã trở thành lực cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự ra đời của quan hệ sản xuất mới tiến bộ là sự thay thế khách quan.

Chế độ phân phong, chế độ tể điền, trật tự tông pháp bị phá bỏ là hệ quả tất yếu của những mâu thuẫn đó. Đồng thời những mâu thuẫn kinh tế được biểu hiện thành mâu thuẫn xã hội, giữa một bên là các tập đoàn thống trị với một bên là tầng lớp địa chủ mới lên và quý tộc chủ nô đang suy tàn, là nguyên nhân của tình trạng cát cứ, tiếm ngôi việt vị, tranh giành bá chủ và khủng hoảng xã hội triền miên. Đó là thời kỳ *bá đạo* lấn át *vương đạo* và bạo lực, chiến tranh

được coi là phương thức giải quyết quan hệ giữa các nước. Xã hội Trung Hoa trải qua những biến động lịch sử lớn lao do những nguyên nhân nội tại và thực chất của biến động ấy là *bước chuyển từ hình thái xã hội nô lệ suy tàn và phong kiến sơ kỳ sang hình thái xã hội phong kiến tập quyền*..

Chính trong bối cảnh thời đại biến động toàn diện và sâu sắc đó đã đặt ra những vấn đề triết học,... kích thích lòng người, khiến các bậc tài sĩ đương thời quan tâm lý giải, để tìm ra các phương pháp giải quyết cứu đời cứu người, làm nảy sinh một loạt các đại biểu và các trường phái tư tưởng nổi tiếng đại diện cho lợi ích của các tầng lớp, giai cấp xã hội khác nhau, vừa đấu tranh với nhau hết sức quyết liệt: Lão gia kêu gọi vô vi, Nho gia chủ trương lễ trị, Mặc gia đề xuất kiêm ái, Pháp gia theo đường lối pháp trị ...

Thứ hai, do sự bất lực của các học thuyết chính trị đương thời

Lão Tử cho rằng xã hội loạn là do con người vi phạm qui luật tự nhiên, nên ông chủ trương *vô vi nhi trị*, khuyên mọi người từ bỏ mọi thành quả văn minh và chạy trốn vào tự nhiên, thoát ly thực tế. Trang Tử - học trò của ông lại muốn đi về một nẻo xa hơn, bi quan yếm thế gần như thoát tục, chỉ còn mong *được làm con rùa để lết cái đuôi trong bùn*. Khổng Tử cho rằng xã hội loạn là do lễ chế nhà Chu bị buông lỏng nên chủ trương khôi phục *lễ*. Làm quan ở nước Lỗ trong vài tháng, còn lại suốt cuộc đời ông chu du hơn mười nước để truyền bá chủ trương

của mình nhưng chẳng có ai nghe. Hơn 50 tuổi ông về quê dạy học và đến cuối đời cũng phải kêu lên: Đạo của ta sắp mất rồi chẳng? Gần 200 năm sau, trong khi chiến tranh loạn lạc bên ngoài xã hội vẫn diễn ra gay gắt, Mạnh Tử tiếp tục tư tưởng của thầy. Nhiệt tình say mê với lý tưởng, ông cũng không tiếc sức khuyên răn các bậc cầm quyền đi theo đường vương đạo, lấy đức trị dân. Khi sang nước Lương được Lương Huệ vương đón tiếp và hỏi: “Thầy chẳng quản đường xa đến đây, chắc sẽ dạy cho quả nhân được điều gì có lợi? Mạnh Tử đáp rằng: Bệ hạ hà tất phải nói đến *lợi*, chỉ nên bàn về *nhân nghĩa* mà thôi. Nước Đàng nhỏ bé, bị Tề, Sở ở hai bên lấn le thôn tính, gặp được Mạnh Tử sang truyền bá vương đạo, Đàng Văn Công mừng rỡ hỏi thầy có cao kế gì cứu nước Đàng đang lúc nguy nan, Mạnh Tử chỉ biết khuyên họ Đàng hãy lấy đức thu phục lòng dân để vua tôi đồng lòng chống giặc, còn trường hợp không chống nổi địch thì đành ... bỏ đi nơi khác!

Là người đề xuất chủ trương *Kiêm ái*, kêu gọi xây dựng xã hội trên cơ sở tình thương không phân biệt giai cấp, Mặc Tử cùng với hàng ngàn đệ tử bốn ba truyền thuyết một thời, song cuối cùng cũng chẳng được ai trọng dụng. Khổng Tử, Mạnh Tử, Mặc Tử đều là những nhà tư tưởng lớn, nhiệt tình lo toan cứu đời, không quản thời gian và nhiệt huyết, *mỏi gót, lỏng trán* truyền bá chủ trương nhưng *không một nhà cầm quyền nào nghe theo*; học thuyết tư tưởng của họ đều được ra đời tương đối sớm nhưng

không có một học thuyết nào trở thành hệ tư tưởng thống trị. Khổng Tử đứng trên lập trường của giai cấp quý tộc cấp tiến, lập trường của Lão Tử là của giai cấp quý tộc cũ đã suy tàn, Mặc Tử đại diện cho tầng lớp lao động bình dân ... đều là những giai cấp đã lỗi thời hoặc không giữ vai trò lịch sử tiên phong. Lịch sử đã tiến lên phía trước nhưng các ông lại muốn quay về quá khứ; trong khi mọi người cho rằng sức mạnh là chân lý thì các vị lại kêu gọi đạo đức và tình thương (những cái mà người ta đang muốn phế bỏ), cho nên học thuyết của các ông đều mang tính không tưởng và không đáp ứng được yêu cầu của thời cuộc. Sự bế tắc của lý luận là một nguyên nhân kéo dài khủng hoảng xã hội của thời kỳ Xuân thu - Chiến quốc.

Thứ ba, Sự ra đời của học thuyết Pháp trị đáp ứng được yêu cầu khách quan của lịch sử.

Trong bối cảnh lịch sử giao thời, những giá trị đạo đức cũ bị băng hoại, những chuẩn mực mới chưa được hình thành, xã hội ngày một rối ren điên đảo. Thống nhất Trung Quốc, chấm dứt chiến tranh đã trở thành yêu cầu bức thiết của lịch sử. Vào lúc tưởng chừng bế tắc đó, học thuyết Pháp trị đã xuất hiện trên vũ đài lịch sử, đề xuất chủ trương chính trị lấy pháp luật làm công cụ chủ yếu. Các nhà Pháp trị cho rằng đặc điểm của thời đại lúc đó là tranh đua sức mạnh, do đó không thể trông chờ đạo đức tình thương để lập lại trật tự xã hội mà phải dùng công cụ bạo lực để chấm dứt sự hoành

hành của bạo lực. Chủ trương của pháp trị đã đứng trên mảnh đất của hiện thực để giải quyết hiện thực.

Pháp trị là đại diện cho tiếng nói của tầng lớp địa chủ mới sinh ra trong quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội, từ thời đại đồ đồng sang thời đại đồ sắt, đem lại sự phát triển mạnh mẽ cho kinh tế. Tầng lớp quý tộc mới nảy sinh trên nền tảng tư hữu ruộng đất, có sức mạnh cả về kinh tế lẫn tri thức và mang một phong cách tư duy mới (thực tế, thực tiễn). Là tiếng nói của giai cấp đại diện cho xu thế đi lên của lịch sử, nên pháp trị đã nhanh chóng trở thành ngọn cờ tư tưởng để nhà Tần thực hiện thành công sự nghiệp thống nhất Trung Quốc.

CHÚ THÍCH:

(1) Vua là nhân vật đứng đầu bộ máy nhà nước và giai cấp thống trị. Vua đời Hạ và đời Thương gọi là “đế”, đời Chu gọi là “vương” (còn gọi là “thiên tử”). Về mặt chính trị, uy quyền của vua rất lớn, có toàn quyền quyết định mọi việc. Vua nắm quyền sống chết của mọi người, ý của vua là pháp lệnh. Ngoài ra, vua Trung Quốc còn mượn uy của trời và tự thân thánh hóa mình để cai trị dân. “Lễ nhạc, chinh phạt đều từ thiên tử mà ra” (Luận ngữ - Quý Thị). Hoàng đế là một trong những cách gọi để chỉ Vua, người đứng đầu nền chuyên chế ở Trung Quốc.

(2) Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ; suất thổ chi tân, mạc phi vương thân (Kinh Thi. Tiểu Nhã. Bài “Bắc Sơn”)

(3) Trong các nước chư hầu, vua chư hầu cũng là người có quyền hành cao nhất về mọi

mặt. Vua chư hầu được phong các tước Công, Hầu, Bá... về sau vua các nước lớn cũng đều gọi là vương như vua chư hầu. Dưới thiên tử và vua chư hầu. Một tài liệu lịch sử quý báu là *Nghi Hầu Thi cứu* bằng kim văn mới được phát hiện như sau: “Về tháng tư, ngày Đinh vị, vua xem bức đồ Vũ vương, Thành vương đánh nhà Thương, lại xem cả bức đồ nước phương Đông. Vua đóng ở nhà tông xã xứ Nghi quay hương phương Nam. Vua sai Kiền Hầu Thi rằng: “Này! Về ở xứ Nghi; ...cho đất, có sông ba trăm 0, có 0 trăm hai mươi, có 0 ấp ba mươi nhăm, 00 trăm bốn mươi. Cho người của vua ở xứ Nghi 0 và bảy họ. Cho xứ Trịnh bảy bá, đã có trong cõi 0 năm mươi phu. Cho thứ nhân xứ Nghi sáu trăm sáu mươi phu” (Xem: Hầu Ngoại Lưu, Triệu Kỷ Bản, *Đỗ Quốc Tường: Bàn về Tư tưởng cổ đại Trung Quốc*, Nxb Sự Thật, H, 1959, tr. 22)

(4) Sách Quốc ngữ (chương *Tấn ngữ*) viết: “Khanh của nước lớn có ruộng một lữ, thượng đại phu có ruộng một tốt” **Lữ** là đơn vị gồm 5 ô điền, tức bằng 50000 mẫu (khoảng 1000 ha), **Tốt** bằng 100 điền, tức là 10.000 mẫu (khoảng 200 ha).

(5) Đặng Đức Siêu: *Giáo trình cổ văn*, tập 2 phần 1, Nxb Giáo dục, H, 1970, tr.35

(6) Còn gọi là tầng lớp thứ nhân, thứ dân, nông phu. Đây là giai cấp đông đảo nhất và là lực lượng giữ vai trò quan trọng nhất trong sản xuất nông nghiệp.

(7) Nông dân được làng mình định kỳ chia cho một phần đất 100 mẫu để cày cấy, đến mùa họ phải trích một số khoản theo từng thời kỳ và từng nước khác nhau, thường là 20-40% tổng thu nhập cho các quý tộc, việc trả tiền thuê đất bằng hoa lợi (Xem: Nguyễn Gia Phu-Nguyễn Huy Quý: *Lịch sử Trung Quốc*, Nxb GD, 2007, tr. 50)

(8) Cuối thời Xuân thu nước Ngô dựng lò luyện sắt lớn dùng đến 300 người thợ bễ, đổ than. Nước Tấn trưng thu sắt đúc *đỉnh hình*

(9) Tiêu biểu như: Huyện Cao - nước Trịnh, Tử Cống - một môn đệ của Khổng Tử

(10) Nguyễn Hiến Lê-Giản Chi: *Chiến quốc sách*, Nxb Trẻ Tp Hồ Chí Minh, 1989, tr.12

(11) Trừ vua Sở đã xưng vương từ thời Xuân Thu, đến thế kỷ IV tr.cn, các vua của các nước Ngụy, Tề, Tần, Hàn, Yên, Triệu đều lần lượt bỏ danh hiệu “Công”, “Hầu” để xưng “Vương”. Đến đây, họ đã công khai phủ nhận vai trò thiên tử của vua Chu. (Xem: Nguyễn Gia Phu-Nguyễn Huy Quý: *Lịch sử Trung Quốc*, Nxb GD, 2007, tr. 29)

(12) Nguyễn Hiến Lê-Giản Chi: *Hàn Phi Tử*, Nxb Văn hóa, 1995, tr. 19

(13) Năm 350 tr.cn, nước Tần thi hành luật cải cách của Thương Ưởng, tuyên bố bỏ chế độ tể điền, cho dân được mua bán ruộng đất.

(14) Cao Xuân Huy: *Tư tưởng phương Đông - gọi những điểm nhìn tham chiếu*, Nxb văn học, H, 1995, tr. 375.

(15) **Bách gia chư tử** là thời kì chứng kiến sự mở rộng to lớn về văn hóa và trí thức ở Trung Quốc kéo dài từ 770 đến 222 tr.cn (trùng khớp với giai đoạn Xuân Thu và Chiến Quốc) và nó cũng được gọi là thời đại hoàng kim của tư tưởng Trung Quốc và thời kì **trăm nhà đua tranh** (“bách gia tranh minh”) này chứng kiến sự nảy nở của nhiều trường phái tư tưởng khác nhau. Nhiều đề tài cổ điển Trung Quốc có nguồn gốc từ thời kỳ này đã có ảnh hưởng sâu rộng trong cách sống và ý thức xã hội của người Trung Quốc đến tận ngày nay. Xã hội trí thức thời kỳ này có đặc trưng ở sự lưu động của những người trí thức, họ thường được nhiều nhà cai trị ở nhiều tiểu quốc mời làm cố vấn về những cách thức điều hành chính phủ, chiến tranh, và ngoại giao.

(16) Cao Xuân Huy: *Tư tưởng phương Đông - gọi những điểm nhìn tham chiếu*, Nxb văn học, H, 1995, tr. 5

(17) Lương Duy Thứ: *Bài giảng văn học Trung Quốc*, tủ sách Đại học Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh, 1995, tr. 4